

**BÁO CÁO SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH NHÀ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ
NHÀ, ĐẤT GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG**
(Kèm theo Công văn số 221/UBND-KT, ngày 09/8/2025
của Ủy ban nhân dân xã Mô Cày)

TT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất hiện có	Diện tích hiện có (m ²)			Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Tiêu chuẩn, định mức được sử dụng theo quy định (m ²)			Chênh lệch (Thừa (+)/ thiếu(-)) hiện có so với tiêu chuẩn, định mức (m ²)	Ghi chú
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà	Giá trị QSDĐ	Nguyên giá tài sản gắn liền với đất	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (đến ngày 31/12/2024)	Diện tích làm việc phục vụ công tác của các chức danh (*)	Diện tích sử dụng chung (**)	Diện tích chuyên dùng (dự kiến đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành) (***)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (5)-(6) -(7)-(8)	(14)
1	Đảng ủy xã Mô Cày, thôn Minh Tân Nam, xã Mô Cày	1	2.445,0	515,4	1.030,8	8.557.500.000	882.802.000	176.560.400	497,0	380,0		153,8	
2	UBND xã Mô Cày, thôn Lương Nông Bắc, xã Mô Cày	1	4.140,0	531,8	816,9	11.592.000.000	1.600.000.000	256.000.000	824,0	200,0	100,0	-307,1	
3	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Mô Cày (thôn 6, xã Mô Cày)	1	2.665,8	600,0	1.212,0	13.329.000.000	2.647.920.000	751.161.000	108,0	498,0		606,0	
4	Trường Mầm non Đức Chánh	3	7.403,8	1.892,0	1.892,0	31.183.000.000	11.053.483.000	7.813.858.000	0	0	0	0	
	Điểm trường thôn 6, xã Mô Cày	1	2.659,8	532,0	532,0	14.624.500.000	2.197.483.000	149.263.000					
	Điểm trường thôn 3, xã Mô Cày	1	3.193,0	450,0	450,0	9.579.000.000	2.382.000.000	1.982.880.000					
	Điểm trường thôn 5, xã Mô Cày	1	1.551,0	910,0	910,0	6.979.500.000	6.474.000.000	5.681.715.000					
5	Trường Mầm non Đức Thạnh	2	6.741,0	1.176,0	1.176,0	10.111.500.000	7.149.374.400	4.147.738.000	0	0	0	0	
	Điểm trường thôn Phước Thịnh, xã Mô Cày	1	1.885,0	347,0	347,0	2.827.500.000	2.109.551.800	1.223.865.000					
	Điểm trường thôn Lương Nông Bắc, xã Mô Cày	1	4.856,0	829,0	829,0	7.284.000.000	5.039.822.600	2.923.873.000					
6	Trường Mầm non Đức Minh	2	4.731,0	971,4	971,4	1.419.300.000	5.996.452.000	786.076.800	0	0	0	0	
	Điểm trường tại KDC số 11, thôn Minh Tân	1	1.480,0	436,0	436,0	444.000.000	2.691.428.000	0					
	Điểm trường tại KDC số 15, thôn Đạm Thủy	1	3.251,0	535,4	535,4	975.300.000	3.305.024.000	786.076.800					
7	Trường Tiểu học Đức Minh	2	14.583,0	1.482,2	1.642,3	51.040.500.000	20.595.310.000	15.283.297.000	0	0	0	0	
	Điểm trường thôn Minh Tân Nam	1	5.360,0	740,8	760,3	18.760.000.000	9.683.714.000	7.225.450.000					
	Điểm trường thôn Đạm Thủy Nam	1	9.223,0	741,4	882,0	32.280.500.000	10.911.596.000	8.057.847.000					
8	Trường Tiểu học Đức Thạnh	3	21.985,0	2.893,0	4.036,0	4.397.000.000	9.520.682.000	3.461.642.505	0	0	0	0	
	Điểm trường thôn Phước Thịnh	1	8.762,0	1.512,0	1.928,0	1.752.400.000	3.231.432.000	769.140.020					
	Điểm trường thôn Đôn Lương	1	4.400,0	566,0	838,0	880.000.000	3.119.048.000	1.364.440.000					
	Điểm trường thôn Lương Nông Bắc	1	8.823,0	815,0	1.270,0	1.764.600.000	3.170.202.000	1.328.062.485					
9	Trường Tiểu học Đức Chánh	2	14.333,7	1.088,0	2.010,4	10.033.590.000	10.875.543.000	8.646.108.000	0	0	0	0	

TT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất hiện có	Diện tích hiện có (m ²)			Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Tiêu chuẩn, định mức được sử dụng theo quy định (m ²)			Chênh lệch (Thừa (+)/ thiếu(-)) hiện có so với tiêu chuẩn, định mức (m ²)	Ghi chú
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà	Giá trị QSDĐ	Nguyên giá tài sản gắn liền với đất	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (đến ngày 31/12/2024)	Diện tích làm việc phục vụ công tác của các chức danh (*)	Diện tích sử dụng chung (**)	Diện tích chuyên dùng (dự kiến đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành) (***)		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)				(6)	(7)	(8)	(9) = (5)-(6) -(7)-(8)	(10)
-	Điểm trường thôn 3, xã Đức Chánh	1	7.756,7	576,0	1.114,4	5.429.690.000	7.317.818.000	6.603.018.000					
-	Điểm trường thôn 6, xã Đức Chánh	1	6.577,0	512,0	896,0	4.603.900.000	3.557.725.000	2.043.090.000					
10	Trường Tiểu học Văn Bản		9.397,0	677,2	1.545,2	42.286.500.000	8.872.807.000	6.830.694.000					
11	Trường THCS Đức Chánh		22.202,7	1.078,8	3.682,0	99.912.150.000	5.996.089.000	2.520.960.586					
12	Trường THCS Minh Thạnh		24.899,0	2.560,0	2.778,8	87.146.500.000	9.320.857.000	6.114.107.230					
13	Trường THCS Nguyễn Trãi		12.894,5	1.038,0	2.787,0	7.478.810.000	19.213.650.000	15.081.868.410					

DANH MỤC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ
(Kèm theo Công văn số 221/UBND-KT, ngày 09/8/2025
của Ủy ban nhân dân xã Mỏ Cày)

TT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng	Cấp nhà	Năm đưa vào sử dụng	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng nhà (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Đề xuất hình thức xử lý	Ghi chú
									Giá trị QSDĐ	Nguyên giá tài sản gắn liền với đất	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (đến ngày 31/12/2024)		
	UBND xã Mỏ Cày	20				19.533,0	1.860,9	1.860,9	76.455.790.000	0	0		
1	Trường Mầm non Đức Chánh	9				2.637,2	373,0	373,0	1.318.590.000	0	0		
	Điểm trường xóm 7, thôn 3		Cấp IV		1	386,0	45,0	45,0	193.000.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 9, thôn 6		Cấp IV		1	324,5	43,0	43,0	162.250.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 11, thôn 6		Cấp IV		1	93,3	40,0	40,0	46.650.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 8, thôn 3		Cấp IV		1	117,98	40,0	40,0	58.990.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 3, thôn 1		Cấp IV		1	288,9	35,0	35,0	144.450.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 4, thôn 2		Cấp IV		1	370,0	50,0	50,0	185.000.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 2, thôn 1		Cấp IV		1	169,0	45,0	45,0	84.500.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 5, thôn 2 (vị trí 2)		Cấp IV		1	433,0	40,0	40,0	216.500.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Điểm trường xóm 2, thôn 1 (vị trí 2)		Cấp IV		1	454,5	35,0	35,0	227.250.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
2	Trường Mầm non Đức Thạnh	5				2.316,0	283,7	283,7	1.158.000.000	0	0		
	Cơ sở Phú Bình, thôn Lương Nông Bắc		Cấp IV		1	288,0	63,9	63,9	144.000.000		0	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	
	Cơ sở Đông Lý, thôn Lương Nông Bắc		Cấp IV		1	484,0	36,9	36,9	242.000.000		0	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	
	Cơ sở Lương Lâm, thôn Lương Nông Nam		Cấp IV		1	148,0	41,2	41,2	74.000.000		0	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	
	Cơ sở Xóm Mít, thôn Lương Nông Nam		Cấp IV		1	512,0	38,4	38,4	256.000.000		0	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	
	Cơ sở Đôn Lương, thôn Đôn Lương		Cấp IV		1	884,0	103,3	103,3	442.000.000		0	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	
3	Trường Mầm non Đức Minh	2				797,6	81,0	81,0	398.800.000	0	0		
	Trường Mẫu giáo Đạm Thủy Nam		Cấp IV		1	524,4	35,0	35,0	262.200.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
	Trường MG Minh Tân Bắc		Cấp IV		1	273,2	46,0	46,0	136.600.000		0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	
4	Trường Tiểu học Đức Minh (Điểm trường thôn Minh Tân Bắc)	1				2.782,0			9.737.000.000	0	0	QH công viên	
5	Trường Tiểu học Đức Thạnh (Điểm trường thôn Lương Nông Bắc)	1	Cấp IV		1	2.995,0	494,0	494,0	8.386.000.000	0	0	Giới thiệu xây dựng trụ sở Công an xã	

TT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng	Cấp nhà	Năm đưa vào sử dụng	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng nhà (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Đề xuất hình thức xử lý	Ghi chú
									Giá trị QSDD	Nguyên giá tài sản gắn liền với đất	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (đến ngày 31/12/2024)		
6	Trường THCS Đức Chánh (Điểm trường cũ tại KDC số 43, thôn 6)	1	Cấp IV		1	7.920,0	544,0	544,0	54.648.000.000	0	0	Quy hoạch thương mại - dịch vụ	
7	Nhà làm việc Hội Đông y	1	Cấp IV		1	85,2	85,2	85,2	809.400.000	0	0	QH khu dân cư Vườn Quán	

KẾ HOẠCH XỬ LÝ TRỤ SỞ ĐÔI DƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA CÁC CƠ QUAN,
(Kèm theo Công văn số 221/UBND-KT, ngày 09/8/2025
của Ủy ban nhân dân xã Mỏ Cày)

TT	Tên đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất hiện có	Diện tích (m2)			Đề xuất phương án xử lý			Ghi chú
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà	Hình thức xử lý	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành phương án xử lý	
	UBND xã Mỏ Cày	20	19.533,0	1.860,9	1.860,9				
1	Trường Mầm non Đức Chánh	9	2.637,2	373,0	373,0				
	Điểm trường xóm 7, thôn 3		386,0	45,0	45,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 9, thôn 6		324,5	43,0	43,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 11, thôn 6		93,3	40,0	40,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 8, thôn 3		117,98	40,0	40,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 3, thôn 1		288,9	35,0	35,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 4, thôn 2		370,0	50,0	50,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 2, thôn 1		169,0	45,0	45,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 5, thôn 2 (vị trí 2)		433,0	40,0	40,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Điểm trường xóm 2, thôn 1 (vị trí 2)		454,5	35,0	35,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
2	Trường Mầm non Đức Thạnh	5	2.316,0	283,7	283,7				
	Cơ sở Phú Bình, thôn Lương Nông Bắc		288,0	63,9	63,9	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Đã thực hiện	
	Cơ sở Đông Lý, thôn Lương Nông Bắc		484,0	36,9	36,9	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Đã thực hiện	
	Cơ sở Lương Lâm, thôn Lương Nông Nam		148,0	41,2	41,2	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Đã thực hiện	
	Cơ sở Xóm Mít, thôn Lương Nông Nam		512,0	38,4	38,4	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Đã thực hiện	
	Cơ sở Đôn Lương, thôn Đôn Lương		884,0	103,3	103,3	Giữ lại tiếp tục sử dụng (điểm sinh hoạt văn hóa KDC)	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Đã thực hiện	
3	Trường Mầm non Đức Minh	2	797,6	81,0	81,0				
	Trường Mẫu giáo Đạm Thủy Nam		524,4	35,0	35,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
	Trường MG Minh Tân Bắc		273,2	46,0	46,0	Bán đấu giá quyền sử dụng đất	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
4	Trường Tiểu học Đức Minh (Điểm trường thôn Minh Tân Bắc)	1	2.782,0			QH công viên	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
5	Trường Tiểu học Đức Thạnh (Điểm trường thôn Lương Nông Bắc)	1	2.995,0	494,0	494,0	Giới thiệu xây dựng trụ sở Công an xã	Công an xã Mỏ Cày	Năm 2026	
6	Trường THCS Đức Chánh (Điểm trường cũ tại KDC số 43, thôn 6)	1	7.920,0	544,0	544,0	Quy hoạch thương mại - dịch vụ	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	Năm 2026	
7	Nhà làm việc Hội Đồng y	1	85,2	85,2	85,2	QH khu dân cư Vườn Quán	Trung tâm PTQĐ khu vực Mỏ Cày	Năm 2026	